

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 210 /2019 /DS-PT

Ngày: 09-9-2019

V/v tranh chấp dân sự về hợp
đồng vay tài sản.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Văn Be.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Sơn;

Bà Nguyễn Thị Thúy Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Thúy Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Minh Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2019/TLPT-DS ngày 04 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2019/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 236/2019/QĐ-PT ngày 06 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phan Văn H, sinh năm 1981 và chị Võ Thị T, sinh năm 1981; cùng địa chỉ: Ấp 4, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của anh H: Chị Võ Thị T, sinh năm 1981; Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 19-3-2019); có mặt.

- Bị đơn:

- Bà Phan Thị N, sinh năm 1971; địa chỉ: Ấp T, xã Tr, huyện D, tỉnh Tây Ninh; tạm trú: Ấp 4, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- Anh Mai Trung Ng, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp 4, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Đinh Thái H - Luật sư Công ty luật B thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Phan Thị N, anh Mai Trung Ng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của anh H – chị Võ Thị T trình bày:

Từ năm 2017 đến năm 2018, bà N và anh Ng có vay tiền của vợ chồng chị nhiều lần, cụ thể:

- Lần thứ nhất: Ngày 11-02-2017 (AL), tức ngày 08-3-2017 (DL) bà N và anh N vay số tiền 100.000.000 đồng, có giấy nợ do bà N và anh Ng ký tên.

- Lần thứ hai: Ngày 26-02-2017 (AL), tức ngày 23-3-2017 (DL) bà N và anh Ng vay số tiền 100.000.000 đồng, có giấy nợ do anh Ng ký tên

- Lần thứ ba: Ngày 17-4-2018 (AL), tức ngày 31-5-2018 (DL) bà N và anh Ng vay số tiền 100.000.000 đồng, có giấy nợ do anh Ng ký tên.

Cả 03 lần vay, trong giấy nợ không ghi thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ. Hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 2%/tháng, bà N và anh Ng đã trả lãi đến ngày 24-8-2018 (AL), tức ngày 03-10-2018 (DL) rồi ngưng không trả nữa.

- Lần thứ tư: Tại hợp đồng vay tiền ngày 18-7-2017, bà N và anh Ng có vay số tiền 780.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 12-4-2020 không tính lãi suất. Hợp đồng vay tiền có công chứng tại Văn phòng công chứng Đ - Tây Ninh.

Tổng cộng, bà N, anh Ng vay của vợ chồng chị số tiền là 1.080.000.000 đồng. Nay vợ chồng chị yêu cầu bà N và anh Ng phải trả lại số tiền 1.080.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 780.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền ngày 18-4-2017. Yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Bị đơn, bà Phan Thị N trình bày:

Bà thừa nhận có vay của chị T anh H số tiền 1.080.000.000 đồng trong đó số tiền 780.000.000 đồng theo hợp đồng vay ngày 18-4-2017 đến ngày 12-4-2020 mới đến hạn trả nợ và số tiền này thỏa thuận không tính lãi. Đối với khoản vay 300.000.000 đồng bà và chị T đã gút nợ tại giấy gút nợ ngày 19-10-2017(AL), tức ngày 06-12-2017 (DL) nên số tiền này nằm trong số nợ 3.233.000.000 đồng trong vụ án mà chị T đã khởi kiện đối với bà, do đã gút nợ nên những giấy nợ này không còn giá trị, do đó bà không đồng ý trả cho vợ chồng chị T số tiền 300.000.000 đồng và tiền lãi suất theo yêu cầu của nguyên đơn. Đối với giấy bán đất ngày 17-4-2017, do ông Mai Trung Th từ Úc gửi về là không có giá trị pháp lý, hơn nữa giữa bà và ông Th đã ly hôn vào năm 2005 và hiện phần đất này bà đã tặng cho anh Ng theo hợp đồng tặng cho ngày 15-9-2017. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn, anh Mai Trung Ng trình bày: Anh thống nhất như lời trình bày của bà Ng, không có trình bày gì thêm. Ngoài ra, anh không có yêu cầu gì khác.

Tại Bản án sơ thẩm số 22/2019/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh, quyết định:

Căn cứ vào điểm g khoản 1 Điều 217; khoản 3 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Phan Văn H và chị Võ Thị T đối với bà Phan Thị N và anh Mai Trung Ng về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

Buộc bà Phan Thị N và anh Mai Trung Ng phải trả cho anh Phan Văn H và chị Võ Thị T số tiền 321.229.874 đồng (ba trăm hai mươi một triệu hai trăm hai mươi chín ngàn tám trăm bảy mươi bốn đồng), (trong đó nợ gốc 286.244.442 đồng, tiền lãi 35.055.432 đồng).

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của anh Phan Văn H và chị Võ Thị T đối với số tiền 780.000.000 đồng (bảy trăm tám mươi triệu đồng) theo hợp đồng vay tiền ngày 18-4-2017.

Đương sự có quyền khởi kiện lại theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà N và anh Ng phải chịu 16.061.493 đồng Hoàn trả lại cho anh H và chị T số tiền 26.586.660 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008360 ngày 26-10-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ chậm trả, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 04 tháng 6 năm 2019, bà N và anh Ng có đơn kháng cáo không đồng ý trả cho anh H và chị T số tiền 321.229.874 đồng; yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét toàn bộ bản án sơ thẩm, đánh giá sự phù hợp, khách quan của chứng cứ và áp dụng pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Căn cứ vào chứng cứ mà nguyên đơn đã nộp có ba giấy nợ. Trong đó, chứng cứ này thể hiện bà N có vay chung một giấy nợ, còn lại hai giấy do anh Ng ký nhận vay Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng nợ chung với bà N là chưa chính xác. Tuy nhiên bà N thừa nhận đã chốt nợ số tiền 300.000.000 đồng vào giấy nợ 3.233.000.000 đồng vào ngày 19-10-2017(AL), tức ngày 06-12-2017 (DL) nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến khi giải quyết vụ án. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị N và anh Mai Trung Ng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến trình bày và tranh tụng của đương sự, luật sư ý kiến của phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Ng là bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà N, anh Ng vay tiền của chị T anh H tổng số tiền 1.080.000.000 đồng là có thật, được các bên thừa nhận. Tại phiên tòa sơ thẩm chị T rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay 780.000.000 đồng, cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với khoản vay 780.000.000 đồng là có căn cứ.

[2] Về nội dung: Xét đơn kháng cáo của bà N, anh Ng Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Bà N cho rằng khoản vay 100.000.000 đồng ngày 31-5-2018 (DL) do anh Ng mượn chị T, thì anh Ng có trách nhiệm trả cho vợ chồng chị T. Đối với khoản vay 100.000.000 đồng ngày 08-3-2017 (DL), và khoản vay 100.000.000 đồng ngày 23-3-2017 (DL) đã được gút vào trong giấy mượn tiền ngày 19-10-2017 (AL) tức ngày 06-12-2017 (DL), chị T đã kiện bà trong một vụ án khác, do đó, bà không đồng ý theo yêu cầu của chị T. Tuy nhiên, chị T không đồng ý và bà N cũng không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Do đó cấp sơ thẩm buộc bà N và anh Ng trả cho chị T anh H số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.2] Về pháp luật áp dụng: Các giấy mượn tiền của bà N, anh Ng xác lập sau ngày 01-01-2017, căn cứ khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì áp dụng các quy định về lãi, lãi suất của Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết vụ án.

[2.3] Về lãi suất: Tại các giấy nợ các bên không thỏa thuận về lãi suất, chị T cho rằng có thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng. Bà N cho rằng khi vay tiền không ghi thỏa thuận lãi suất trong giấy nợ, nhưng bà và chị T có thỏa thuận miệng lãi suất khoảng 5-6%/tháng. Do các bên không có thỏa thuận lãi suất và có tranh chấp về lãi suất, áp dụng khoản 2 Điều 468 xác định mức lãi suất 10%/năm: $12 \text{ tháng} = 0,83\% \text{ tháng}$.

[2.3] Về thời hạn tính lãi: Tại các giấy nợ không thỏa thuận về thời gian trả nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H, chị T thừa nhận bà N, anh Ng có trả lãi hàng tháng đầy đủ với mức lãi suất 2%/tháng từ ngày vay đến ngày 24-8-2018(AL) tức ngày 03-10-2018 (DL) thì ngưng không tiếp tục trả lãi cho đến nay. Bà N cũng thừa nhận trả lãi đầy đủ cho chị T anh H từ ngày vay đến

ngày 24-8-2018(AL) tức ngày 03-10-2018 (DL) thì ngưng. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, cấp sơ thẩm tính lại lãi suất từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm khấu trừ vào nợ gốc buộc bà N, anh Ng phải trả cho anh H, chị T số tiền 321.229.874 đồng, trong đó nợ gốc 286.244.442 đồng và nợ lãi là 34.985.432 đồng là có căn cứ. Do sai sót khi đánh máy cấp sơ thẩm buộc anh Ng, bà N trả tiền nợ lãi là 35.055.432 đồng, do đó điều chỉnh lại cho đúng.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Bà N anh N kháng cáo cũng không đưa ra được tình tiết mới làm thay đổi bản chất vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà N anh Ng giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên bà N anh Ng phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo qui định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phan Thị N, anh Mai Trung N. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 468, 469 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Phan Văn H và chị Võ Thị T đối với bà Phan Thị N và anh Mai Trung Ng về tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Phan Thị N và anh Mai Trung Ng có nghĩa vụ trả cho anh Phan Văn H và chị Võ Thị T số tiền 321.229.874 (ba trăm hai mươi một hai trăm hai mươi chín ngàn tám trăm bảy mươi bốn) đồng: trong đó nợ gốc 286.244.442 đồng, tiền lãi 34.985.432 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của anh Phan Văn H và chị Võ Thị T đối với số tiền 780.000.000 đồng (bảy trăm tám mươi triệu đồng) theo hợp đồng vay tiền ngày 18-4-2017.

Đương sự có quyền khởi kiện lại theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Về án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà N và anh Ng phải 16.061.493 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị T, anh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị T anh H 26.586.660 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0008360 ngày 26 tháng 10 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G tỉnh Tây Ninh.

+ Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà N phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0009281 ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tây Ninh; bà N nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Anh Ng phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0009282 ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tây Ninh; anh Ng nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện G;
- THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lâm Văn Be

